CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CẤP TỈNH (PDTI)

Thời gian lấy số liệu từ 01/7/2026 đến 30/9/2026

SốTT	Chỉ số/Chỉ số thành phần	Số liệu báo cáo	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
I	**Thông tin chung**			
1	Số lượng máy chủ vật lý	0		
2	Số lượng máy trạm	0		
3	Số lượng hệ thống thông tin	1		
4	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chuyển đổi số ***(đơn vị tính: Tỷ đồng)***	0		
5	Số lượng thủ tục hành chính	0		
6	***Thông tin liên hệ của cơ quan***			
	Họ tên người chịu trách nhiệm cung cấp	Nguyễn Thị Kim Cúc		
	Đơn vị công tác	Sở Dân tộc và Tôn giáo		
	Chức vụ	không		
	Điện thoại liên hệ	02133.876.426		
	Email	cucntk.bdt@laichau.gov.vn		
II	**Chỉ số đánh giá**			
3	***Hạ tầng số***			
3.1	***Trang bị máy tính cho CBCC (gồm cả máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng)***			
3.1.1	*Tổng số lượng máy tính tại cơ quan (thống kê tại tất cả các phòng, ban, đơn vị trực thuộc)*	*22*		
a	Số lượng cán bộ, công chức được trang bị máy tính	*22*		
b	Số lượng viên chức được trang bị máy tính	*0*		
c	Số lượng hợp đồng lao động được trang bị máy tính	*0*		
3.1.2	*Cài đặt phần mềm diệt Virus*			
a	Số máy tính được cài đặt phần mềm diệt Virus (gồm cả phần mềm trả phí và miễn phí)	*22*		
b	Số máy tính được cài đặt phần mềm diệt Virus bản quyền có trả phí	*22*		
c	Số máy tính được cài đặt phần mềm diệt Virus miễn phí	*0*		
d	Số máy tính không cài đặt phần mềm diệt Virus	*0*		
3.2	**Mạng LAN, Internet, WAN**			
a	Cơ quan có mạng Lan không?	*0*		
b	Tổng số máy tính có kết nối Internet của cơ quan (trừ các máy tính xử lý tài liệu mật theo quy định)	22		
4	***Nhân lực số***			
4.1	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về chuyển đổi số	0		
a	- Số lượng công chức chuyên trách về chuyển đổi số	0		
b	- Số lượng công chức kiêm nhiệm về chuyển đổi số	1		
c	- Số lượng viên chức chuyên trách về chuyển đổi số	0		

d	- Số lượng viên chức kiêm nhiệm về chuyển đổi số	0		
4.2	Tỷ lệ công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng	0		
a	- Số lượng công chức chuyên trách về ATTT	0		
b	- Số lượng viên chức, hợp đồng chuyên trách về ATTT	0		
c	- Số lượng công chức bán chuyên trách về ATTT (kiêm nhiệm)	1		
d	- Số lượng viên chức, hợp đồng bán chuyên trách về ATTT (kiêm nhiệm)	0		
4.3	Số lượng công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số	0		
5	***An toàn thông tin mạng***			
5.1	Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ	0		
5.2	Số lượng hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt	0		
a	- Tổng số hệ thống thông tin đã được phê duyệt	0		
b	- Số lượng hệ thống thông tin đã triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo HSĐXCĐ đã được phê duyệt	0		
5.3	Số lượng máy chủ của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	0		
a	- Tổng số máy chủ của cơ quan	0		
b	- Tổng số máy chủ có kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm NCSC	0		
5.4	Số lượng máy trạm của cơ quan nhà nước cài đặt phòng, chống mã độc và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	0		
a	- Tổng số máy trạm của cơ quan	0		
b	- Tổng số máy trạm có kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm NCSC	0		
5.5	Số lượng IP botnet được phát hiện, cảnh báo và xử lý, loại bỏ mã độc	0		
a	- Số lượng địa chỉ IP public phát hiện có kết nối mạng IP botnet hoặc trong danh sách blacklist	0	0	
b	- Số lượng địa chỉ IP public phát hiện có kết nối mạng IP botnet hoặc trong danh sách blacklist đã được xử lý, loại bỏ mã độc	0		
5.6	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC)	0		
a	- Tổng số hệ thống thông tin của cơ quan	1		
b	- Số lượng hệ thống thông tin được SOC bảo vệ, triển khai giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với NCSC	0		

5.7	Số lượng hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã được kiểm tra, đánh giá đầy đủ các nội dung theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017	0		
5.8	Số lượng các hệ thống thông tin có các phương án ứng cứu xử lý sự cố tấn công mạng	0		
5.9	Số lượng sự cố đã phát hiện trong cơ quan nhà nước (gồm cả sự cố tự phát hiện và sự cố từ các cảnh báo của các đơn vị chuyên trách)	0		
5.10	Số lượng sự cố đã xử lý trong cơ quan nhà nước	0		
5.11	Tổng kinh phí chi cho an toàn thông tin (ATTT)	0		
5.11.1	*Kinh phí chung chi cho ATTT*			
a	*- Tổng chi từ NSNN cho Chuyển đổi số (tỷ đồng)*			
b	*- Kinh phí đầu tư từ NSNN chi cho ATTT (tỷ đồng)*			
c	*- Kinh phí thường xuyên từ NSNN chi cho ATTT (tỷ đồng)*			
5.11.2	*Kinh phí giám sát ATTT*			
5.11.3	*Kinh phí kiểm tra, đánh giá ATTT*			
5.11.4	*Kinh phí diễn tập, ứng cứu sự cố ATTT*			
5.11.5	*Kinh phí đào tạo, tập huấn ATTT*			
5.11.6	*Kinh phí tuyên truyền nâng cao nhận thức ATTT*			
6	***Hoạt động chính quyền số***			
6.1	***Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành***			
6.1.1	*Tỷ lệ trao đổi văn bản đi*	100%		
a	Tổng số văn bản đi của cơ quan (trừ văn bản mật)	837		
b	Tổng số văn bản đi của cơ quan được gửi dưới dạng văn bản điện tử song song với bản giấy	0		
c	Tổng số văn bản đi của cơ quan được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, không kèm văn bản giấy	837		
6.1.2	*Tỷ lệ trao đổi văn bản đến*			
a	Tổng số văn bản đến của cơ quan (trừ văn bản mật)	3633		
b	Tổng số văn bản đến của cơ quan được gửi dưới dạng văn bản điện tử song song với bản giấy			
c	Tổng số văn bản đến của cơ quan được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, không kèm văn bản giấy	3633		
6.1.3	*Hiện trạng về xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng*			
a	Tổng số hồ sơ công việc của cơ quan (bao gồm cả việc xử lý các hồ sơ thủ tục hành chính và việc xử lý công việc giữa các CQNN)	845		
b	Số hồ sơ công việc của cơ quan trên môi trường mạng (Hồ sơ điện tử)	837		
6.2	***Chữ ký điện tử, chữ ký số***			

a	Cơ quan có được cấp chứng thư số không?	có		
b	Tổng số lãnh đạo cấp chính quyền của cơ quan?	3		
c	Tổng số lãnh đạo cấp chính quyền của cơ quan được cấp chứng thư số?	3		
d	Tổng số lãnh đạo cấp phòng, ban, đơn vị trực thuộc của cơ quan?	7		
đ	Tổng số lãnh đạo cấp phòng, ban, đơn vị trực thuộc của cơ quan được cấp chứng thư số?	7		
e	Số lượng người không giữ chức vụ được cấp chứng thư số (công chức, viên chức, kế toán,…)?	12		
6.3	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến	0		
a	- Tổng số DVCTT mức 3 có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến)	4		
b	- Tổng số DVCTT mức 4 có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến)	7		
c	- Tổng số DVCTT mức 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến	4		
d	- Tổng số DVCTT mức 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến	7		
6.4	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến	100		
a	- Tổng số hồ sơ giải quyết DVC (gồm cả 4 mức độ)			
b	- Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 3	4		
c	- Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 4	4		
6.5	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng DVCTT			
a	- Tổng số người dân tham gia đánh giá mức độ hài lòng			
b	- Số lượng người dân đánh giá là hài lòng khi sử dụng DVCTT			
c	- Tổng số doanh nghiệp tham gia đánh giá mức độ hài lòng			
d	- Số lượng doanh nghiệp đánh giá là hài lòng khi sử dụng DVCTT			
6.6	Tổng chi Ngân sách nhà nước cho chính quyền số (là chi cho Ứng dụng CNTT phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước)	0		
a	- Tổng chi ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	0		
b	- Kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho chính quyền số (tỷ đồng)	0		
c	- Kinh phí chi thường xuyên từ Ngân sách nhà nước cho chính quyền số (tỷ đồng)	0		
7	***Hoạt động xã hội số***			
7.1	Tổng kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước cho xã hội số (bao gồm kinh phí tuyên truyền, đào tạo cho người dân về kỹ năng số, các hoạt động dịch vụ, sản phẩm hỗ trợ khác giúp người dân tiếp cận môi trường số và chi khác theo quy định). Đơn vị tính: Tỷ đồng.			

7.2	Tổng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho xã hội số (bao gồm kinh phí tuyên truyền, đào tạo cho người dân về kỹ năng số, các hoạt động dịch vụ, sản phẩm hỗ trợ khác giúp người dân tiếp cận môi trường số và chi khác theo quy định). Đơn vị tính: Tỷ đồng.			
7.3	Mức độ người dân được tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương với chính quyền			
a	- Số lượng hoạt động mà người dân cùng tham gia giải quyết vấn đề với chính quyền trên kênh trực tuyến			
b	- Số lượng hoạt động mà người dân tham gia giải quyết hiệu quả khi có 80% phản ánh là chính xác và được giải quyết			